

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÝ NHÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 4 - 2020

V/v: Yêu cầu huỷ kết hôn trái  
pháp luật

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Quốc Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Kiệm;

2. Bà Lê Thị Thu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:**  
Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về “*Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thanh C (tên khác là Lê Thị C), sinh ngày 28/5/1981;

Địa chỉ: Thôn Động X (nay là thôn C), xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Xóm 5 (nay là thôn L), xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn Q, chức vụ: Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh C (tên khác là Lê Thị C) trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Thanh C kết hôn với anh Bùi Văn H tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 07/01/1998 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2006 chị C đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, anh H ở nhà chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Đến tháng 9/2019, chị về nước nhưng vợ chồng không chung sống với nhau mà chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Do khi kết hôn với anh H, nhận thức pháp luật còn hạn chế, không nhớ chính xác năm sinh nên chị khai không đúng tuổi của mình, sau đó chị tìm thấy các giấy tờ cá nhân xác định khi chị kết hôn với anh H chị chưa đủ 18 tuổi (16 tuổi 07 tháng 10 ngày), chưa đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị huỷ kết hôn trái pháp luật với anh Bùi Văn H.

*Ý kiến của bị đơn, anh Bùi Văn H trong quá trình giải quyết vụ án*: Anh H và chị C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tháng 01/1998 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam. Khi đi làm thủ tục đăng ký kết hôn, do tin tưởng chị C nên anh không tìm hiểu kỹ tên đệm, tuổi của chị C, chỉ biết chị C khai tên tuổi với cơ quan đăng ký kết hôn và được UBND xã nơi chị C sinh sống giới thiệu kết hôn, sau đó anh và chị C được UBND xã X đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2006 chị C đi xuất khẩu lao động ở Malaysia đến tháng 11/2019 thì chị C về nước, nhưng vợ chồng sống mỗi người một nơi, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với chị C.

- *Về con chung*: Chị C, anh H đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Minh T, sinh năm 1998, hiện nay đã có gia đình riêng. Trường hợp vợ chồng chấm dứt quan hệ hôn nhân hoặc ly hôn: Chị C, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Chị C, anh H đều không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

*Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam trong quá trình giải quyết vụ án*: Theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/TB/HT16 lập ngày 01/01/1998 lưu giữ tại UBND xã thì anh H - chị C kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trước khi kết hôn, chị C được UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, nơi chị C đăng ký thường trú, cấp “*Giấy giới thiệu số 498 ngày 06/01/1998, có giá trị đến ngày 20/01/1998, kính gửi UBND xã X*”, người được giới thiệu là “*Lê Chị C, 20 tuổi, công dân xã K, chưa có chồng*”. Sau khi nhận được giấy giới thiệu, UBND xã X đã đối chiếu, kiểm tra nhận thấy “*Giấy giới thiệu*” và “*Giấy khai đăng ký kết hôn*” của chị C, anh H ngày 31/12/1997 hợp lệ, phù hợp với nhau, anh chị đủ điều kiện để được kết hôn nên ngày 07/01/1998, UBND xã X đã cấp giấy chứng nhận kết hôn giữa anh H - chị C theo quy định của pháp luật. Nay chị C có đơn yêu cầu Tòa án huỷ ký kết hôn

trái pháp luật giữa chị C và anh H, UBND xã X đề nghị Toà án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn, chị Lê Thị Thanh C (Lê Thị C) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án huỷ ký kết hôn trái pháp luật giữa chị với anh Bùi Văn H. Đối với con chung là cháu Bùi Minh T, sinh năm 1998 hiện đã trên 18 tuổi, tự lập nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác chị không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

- Bị đơn, anh Bùi Văn H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị C, đề nghị huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị C, anh H. Về con chung: Chị C, anh H có 01 con chung là Bùi Minh T, sinh năm 1998, hiện nay đã trên 18 tuổi, tự lập nên không phải xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không phải xem xét; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Lê Thị Thanh C (tên khác là Lê Thị C) cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về huỷ kết hôn trái pháp luật*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện về việc yêu cầu huỷ kết hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Chị Lê Thị Thanh C và anh Bùi Văn H kết hôn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn ngày 07/01/1998 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã X, là nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn giữa chị C - anh H, tại “*Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/TB/HT16, mở ngày 01/01/1998, ngày tháng năm cấp giấy chứng nhận kết hôn: 07 tháng 01 năm 1998; Họ tên chồng Bùi Văn H, sinh năm 1975; họ tên vợ Lê Thị C, sinh năm 1977*”.

Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị C cung cấp cho Toà án như: Giấy khai sinh, căn cước công dân, giấy chứng nhận hết cấp I PTCS, chứng nhận học nghề phổ thông, học bạ cấp II phổ thông, bằng trung học cơ sở của chị C; chứng minh thư nhân dân của anh H; văn bản xác minh tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam, UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định chị C họ tên đầy đủ là Lê Thị Thanh C, sinh ngày 28/5/1981. Vì vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 07/01/1998) thì chị C mới 16 tuổi 07 tháng 10 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm vào Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Quá trình chung sống giữa chị C và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên cần hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lê Thị Thanh C (tên khác là Lê Thị C) và anh Bùi Văn H và hủy giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 07/01/1998 theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/TP/HT16, mở ngày 01/01/1998 của UBND xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị C, anh H có 01 con chung là Bùi Minh T, sinh năm 1998, hiện nay đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng, chị C - anh H không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam: Căn cứ đề nghị của công dân, UBND xã X đã yêu cầu chị C, anh H nộp tờ khai ghi đầy đủ các thông tin cá nhân và giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định của Luật hộ tịch, nên UBND xã X đã chứng nhận kết hôn cho chị C, anh H đúng quy định của pháp luật. Việc chị C khi kết hôn không đủ tuổi, vi phạm luật hôn nhân và gia đình năm 1986 là do chị C khai không đúng tên, tuổi của mình; hơn nữa khi cấp giấy giới thiệu về tình trạng hôn nhân của chị C, UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã ghi chị C 20 tuổi. Vì vậy, việc chứng nhận kết hôn của UBND xã X là đúng thẩm quyền và không vi phạm về đăng ký kết hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh C (tên gọi khác Lê Thị C): Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Lê Thị Thanh C và anh Bùi Văn H; huỷ giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 07/01/1998 theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/TP/HT16 ngày 01/01/1998 của UBND xã X, huyện L, tỉnh Hà Nam.

**2.** Về án phí: Chị Lê Thị Thanh C phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0003629 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

**3.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã X;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Quốc Huy**